

Số: 63/2024/QĐST-HNGĐ

Di Linh, ngày 19 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ Phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 173/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Đàm Kim T, sinh năm 1982; địa chỉ: Số A đường H, Tổ M, thị trấn D, huyện D, tỉnh L và chị Nguyễn Đức Thái H, sinh năm 1992; địa chỉ: Số A đường H, Tổ M, thị trấn D, huyện D, tỉnh L; địa chỉ liên hệ: Số B đường N, Tổ dân phố E, thị trấn D, huyện D, tỉnh L.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Đàm Kim T và chị Nguyễn Đức Thái H kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại số 1067 đường Hùng Vương, Tổ dân phố 19, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có những bất đồng về quan điểm, lối sống, cách suy nghĩ nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, không còn yêu thương, chăm sóc gì đến nhau nữa và đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2024 đến nay. Nay anh T và chị H xác định không còn tình cảm, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh, chị. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh T, chị H là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên công nhận.

[2] Về con chung: Hai bên xác định vợ chồng có 02 con chung là Đàm Gia K, sinh ngày 30/5/2017 và Đàm Gia Kh, sinh ngày 19/4/2020. Khi ly hôn anh T và chị H thỏa thuận: giao con chung là cháu Đàm Gia K, sinh ngày 30/5/2017 cho anh Đàm Kim T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, giao con chung là cháu Đàm Gia Kh, sinh ngày 19/4/2020 cho bà Nguyễn Đức Thái H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Hai bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Hai bên xác định không có nên không đề cập.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Đàm Kim T và chị Nguyễn Đức Thái H thỏa thuận chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình, thỏa thuận này của anh T và chị H là đảm bảo theo quy định của pháp luật nên công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đàm Kim T và chị Nguyễn Đức Thái H thỏa thuận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao cho anh Đàm Kim T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là cháu Đàm Gia K, sinh ngày 30/5/2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi, giao cho chị Nguyễn Đức Thái H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là cháu Đàm Gia Kh, sinh ngày 19/4/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Đàm Kim T và chị Nguyễn Đức Thái H thỏa thuận chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình (được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí anh Thạch, chị H đã nộp theo biên lai thu số 0005819 ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh L).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND thị trấn D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

#### **THẨM PHÁN**

**Đoàn Thị Vui**

